TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-ST

Ngày: 05-12-2025

"V/v Tranh chấp nợ hụi hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em

2. Ông Võ Tấn Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST- DS ngày 05 tháng 03 năm 2025 về "*Tranh chấp nợ hụi và hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim N, sinh năm 1978

Căn cước công dân số 09517800XXXX cấp ngày 14/08/2021

ông Võ Quốc H, sinh năm 1970.

Căn cước công dân số 09607001XXXX cấp ngày 06/03/2023.

Cùng địa chỉ: 38/4, Lâm Thành M, Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là 38/4, Lâm Thành M, khóm A, Phường A, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Minh H1, sinh năm 1980. (Ông H1 có mặt)

Căn cước công dân số 09608000XXXX cấp ngày 08/11/2022.

Địa chỉ: Số E, đường C, Khóm Q, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

(Nay là Số E, đường C, Khóm Q, Phường T, tỉnh Cà Mau).

(Theo Hợp đồng ủy quyền đề ngày 28/04/2025).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau)

Căn cước công dân số 09517000XXXX cấp ngày 02/07/2021

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phan Văn T (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau)

+ Ông Phan Văn Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau).

+ Bà Nguyễn Thị N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Nay là ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án– đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Đặng Minh H1 trình bày: Bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H có tham gia chơi hụi của bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T và bà N, ông H có cho bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

* **Về giao dịch chơi hụi**:

Bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H có tham gia chơi hụi của bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T, cụ thể như sau:

- **Dây hụi thứ 1**:

Dây hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), hụi khui ngày 03/2018 (âm lịch), Bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H tham gia chơi 01 chưng hụi gồm 16 hụi viên, 03 tháng khui 01 lần, từ tháng 03 năm 2018 đến tháng 08 năm 2021 là 11 kỳ, bà N và ông H đóng được số tiền hụi là 36.250.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tháng 10/2021, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T tuyên bố đình hụi.

- **Dây hụi thứ 2**:

Dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hụi khui ngày 06/09/2019 (âm lịch, mãn ngày 06/12/2021 âm lịch), 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 28 hụi viên, bà N và ông H tham gia 02 đã hốt 01 chủ hụi nợ lại 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), còn lại 01 thực đóng 06/9/2019 đến ngày 06/10/2021 là 26 kỳ số tiền 39.210.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm mười nghìn đồng), tổng cộng 44.360.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi

nghìn đồng), ngày 25/10/2021, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T tuyên bố đình hụi.

- Dây hụi thứ 3:

Dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hụi khui ngày 20/11/2019 (âm lịch, mãn ngày 20/01/2022 âm lịch), 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 hụi viên, bà N và ông H tham gia 01 chưng, tổng cộng thực đóng từ ngày 20/11/2019 đến ngày 20/9/2021 là 23 kỳ số tiền 34.940.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng), ngày 20/10/2021, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T tuyên bố đình hụi.

- Dây hụi thứ 4:

Dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hụi khui ngày 04/9/2020 (âm lịch, mãn ngày 04/11/2022 âm lịch), 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 hụi viên, bà N và ông H tham gia 03 chưng, tổng cộng thực đóng từ ngày 04/9/2020 đến ngày 04/11/2021 là 13 kỳ x 2 chưng, số tiền 39.420.000 đồng (Ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và mua 01 chưng hụi 27 kỳ x 1.500.000 đồng =40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền hụi và hụi mua số tiền là 79.920.000 đồng (Bảy mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), ngày 04/10/2021 âm lịch, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T tuyên bố đình hụi.

- Dây hụi thứ 5:

Dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hụi khui ngày 25/4/20220 (âm lịch, mãn ngày 25/02/2022 âm lịch), 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 hụi viên, bà N và ông H tham gia 04 chưng, đã hốt 01 chưng hốt tháng 25/02/2021 số tiền là 43.500.000 đồng (số tiền còn phải đóng cho chưng đã hốt là 08 lần x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng). Còn lại 03 chưng sống còn lại đã đóng 19 lần tổng cộng đóng 85.710.000 đồng (T1 mươi lăm triệu bảy trăm mười nghìn đồng) và 01 chưng mua 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền là 126.210.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng) trừ số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) phải đóng cho đã hốt, số tiền còn lại 110.210.000 đồng (Một trăm mười triệu hai trăm mười nghìn đồng), ngày 25/10/2021, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T tuyên bố đình hụi.

- Dây hụi thứ 6:

Dây hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hụi khui ngày 20/4/2021 (âm lịch, mãn ngày 20/7/2023 âm lịch), 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 hụi viên, bà N và ông H tham gia 01 chưng, tổng cộng thực đóng 05 kỳ là 7.510.000 đồng (Bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng), ngày 20/10/2021, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T tuyên bố đình hụi.

*** <u>Về số tiền vay</u>**:

Trong quá trình làm ăn và sửa nhà, bà G và ông T có vay, mượn tiền của bà N và ông H số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 26/03/2013, bà G và ông T vay số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Ngày 13/4/2016, bà G và ông T vay số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

- Ngày 27/12/2018, bà G và ông T vay số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Ngày 04/10/2020, bà G và ông T mượn số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng);

Tổng cộng là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Hai bên thỏa thuận tiền vay gốc 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) với mức lãi suất 2%/tháng và từ tháng 10/2021 thì bà G và ông T không đóng lãi cho bà N và ông H đến nay, số tiền mà bà G và ông T đã đóng lãi cho bà N và ông H bao nhiêu thì bà N, ông T không nhớ.

Đối với tiền mượn, giữa bà N và ông H với bà G và ông T không có thỏa thuận lãi suất với nhau.

Việc tham gia chơi hụi giữa các bên có làm giấy hụi với nhau, khi khui hụi thì bà G và ông T có giao giấy hụi đưa cho bà N và ông H giữ (bằng hình thức bà G và ông T chụp gửi qua tin nhắn Zalo cho bà N và ông H biết), khi đóng hụi thì bà G, ông T điện thoại thông báo cho bà N, ông H biết số tiền cần đóng hụi, sau đó bà N và ông H chuyển khoản vào số tài khoản của con bà G và ông T là ông Phan Văn Đ và con dâu của bà G, ông T là bà Nguyễn Thị Như Ý, ông Đ và bà Ý sống cùng nhà và có cùng địa chỉ với bà G và ông T là ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau). Số tài khoản của ông Phan Văn Đ là 720322000XXXX mở tại Ngân hàng nghiệp và triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Số tài khoản của bà Nguyễn Thị N là 720320510XXXX mở tại Ngân hàng nghiệp và triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Khi bà G, ông T chung hụi cho bà N, ông H thì có khi bà G, ông T đưa tiền mặt và có khi bà G, ông T chuyển khoản qua số tài khoản của bà N.

Việc vay, mượn tiền thì có khi bà N, ông H đưa tiền mặt trực tiếp cho bà G, ông T cũng có khi chuyển khoản cho bà G, ông T thông qua số tài khoản của con trai bà G, ông T là ông Phan Văn Đ hoặc con dâu bà G, ông T là bà Nguyễn Thị Như Ý.

Bà G và ông T còn nợ bà N và ông H số tiền hụi là 313.190.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), tiền vay gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và tiền mượn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Từ khi bà G, ông T nợ bà N và ông H số tiền nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) đến nay thì bà G,

ông T chỉ trả được cho bà N, ông H số tiền lãi của số tiền nợ hụi nhiều lần (các lần đã trả lãi bao nhiêu không nhớ do lâu quá) với tổng số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng). Còn số nợ gốc tổng cộng 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) đến nay chưa trả.

Nay, Bà Trương Thị Kim N và ông Võ Quốc H yêu cầu bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T trả cho bà N và ông H số tiền hụi, tiền mượn và tiền vay gốc tổng cộng là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi suất, cụ thể như sau:

+ Dây hụi 1 (Dây hụi 5.000.000 đồng mở tháng 03/2018 âm lịch, mãn hụi tháng 03/2023 âm lịch, tham gia 01): Số tiền 36.250.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Dây hụi 2 (Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 06/09/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 06/09/2023 âm lịch, tham gia 02): số tiền 44.360.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Dây hụi 3 (Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 20/11/2019 âm lịch, mãn hụi ngày 20/01/2022 âm lịch, tham gia 01): số tiền 34.940.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Dây hụi 4 (Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 04/9/2020 âm lịch, mãn hụi ngày 04/11/2022 âm lịch, tham gia 03 và mua một hụi 27 kỳ x 1.500.000 đồng): số tiền 79.920.000 đồng (Bảy mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Dây hụi 5 (Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/04/2020 âm lịch, mãn hụi ngày 25/02/2022 âm lịch, tham gia 04 và 01 mua 40.500.000 đồng): số tiền 110.210.000 đồng (Một trăm mười triệu hai trăm mười nghìn đồng).

+ Dây hụi 6 (Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 20/4/2021 âm lịch, mãn hụi ngày 20/7/2023 âm lịch, tham gia 01): số tiền 7.510.000 đồng (Bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Tiền hụi gốc là 313.190.000 đồng (Một trăm mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn và yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với số tiền trên theo quy định pháp luật (10%/năm) tính từ ngày đình hụi ngày 25/10/2021 âm lịch tức ngày 29/11/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/12/2025).

Tiền vay gốc là 110.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/ năm kể từ ngày 27/10/2021 âm lịch nhằm ngày 01/12/2021 dương lịch, đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/12/2025).

Tiền mượn gốc là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 04/10/2020 âm lịch, tức ngày 18/11/2020 dương lịch, đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/12/2025).

Đối trừ số tiền 48.000.000 đồng tiền lãi nợ hụi bà G, ông T có trả cho bà N, ông H, số tiền còn lại bà G, ông T phải trả cho bà N và ông H theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, bà N và ông H yêu cầu bà G, ông T trả lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra, bà N và ông H không còn có yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn – bà Phạm Thị G trình bày: Bà G thống nhất theo trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về số tiền nợ hụi của các lần chơi hụi, tiền vay và tiền mượn, bà Phạm Thị G thừa nhận: Bà Phạm Thị Giàu C nợ bà N, ông H số tiền nợ hụi gốc là 313.190.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), tiền vay gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và tiền mượn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên, từ khi bà G nợ bà N và ông H số tiền nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) đến nay thì bà G có trả được cho bà N, ông H nhiều lần (các lần đã trả bao nhiêu không nhớ do lâu quá) với tổng số tiền gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), nên bà G chỉ còn nợ lại bà N, ông H số nợ gốc là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim N và ông Võ Quốc H thì bà Phạm Thị G đồng ý trả cho bà Trương Kim N và ông Võ Quốc H số tiền nợ gốc hiện bà Phạm Thị G đang thiếu của bà Trương Kim N và ông Võ Quốc H là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Còn phần lãi suất theo yêu cầu của bà Trương Kim N và ông Võ Quốc H thì bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thời gian tính lãi của số tiền nợ hụi, nợ vay và tiền mượn cũng như lãi suất mà bà N, ông H yêu cầu, tuy nhiên, bà G xin bà N, ông H bỏ lãi cho bà vì hiện nay hoàn cảnh gia đình của bà rất khó khăn.

Bà Phạm Thị G xác định: Bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T, Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau) có mối quan hệ là vợ chồng, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T xây dựng hôn nhân gia đình cách nay khoảng 36 năm. Hiện nay, bà Phạm Thị G và ông Phan Văn T vẫn còn là vợ chồng với nhau. Ngoài ra, bà Phạm Thị G không còn có ý kiến trình bày gì thêm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị N không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị N không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của bà Trương Kim N ông Võ Quốc H theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị N nhưng ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ, bà Nguyễn Thị N không đến Tòa án, nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề xuất:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H đối với bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T: Buộc bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho ông bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H số tiền nợ tổng cộng là 644.837.997 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc số tiền là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi suất là 219.647.997 đồng (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng) và lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đòi bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền hụi gốc 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) và lãi suất số tiền là 19.202.886 đồng (Mười chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Trương Kim N, ông Võ Quốc H được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền nợ hụi, nợ vay. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là bà Phạm Thị Giàu C nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N vắng mặt. Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N theo quy định để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đối với bà Phạm Thị G theo quy định,

nhưng ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T, ông Phan Văn Đ và bà Nguyễn Thị Như Ý.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền nợ hụi gốc là 313.190.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), tiền vay gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và tiền mượn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Xét thấy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H và bà Phạm Thị G đều thống nhất thừa nhận: Bà Phạm Thị Giàu C nợ bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H số tiền nợ hụi gốc là 313.190.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), tiền vay gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và tiền mượn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). Sự thừa nhận của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H và bà Phạm Thị G phù hợp với các bảng kê chi tiết chuyển khoản, sao kê tài khoản ngân hàng, chứng từ giao dịch (BL 02-84), các bảng kê dây hụi (BL94- 99) do bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H cung cấp tại Tòa án, nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H xác định: Sau khi bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T nợ bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H số tiền nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) đến nay thì bà G, ông T chỉ trả được cho bà N, ông H số tiền lãi của số tiền nợ hụi gốc (các lần đã trả lãi bao nhiêu không nhớ do lâu quá) với tổng số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), còn số nợ gốc tổng cộng 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) đến nay chưa trả. Phía bà Phạm Thị G xác định: Từ khi bà G nợ bà N và ông H số tiền nợ gốc là 473.190.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) đến nay thì bà Giàu có trả được cho bà N, ông H nhiều lần (các lần đã trả bao nhiêu không nhớ do lâu quá) với tổng số tiền gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), nên bà G chỉ còn nợ lại bà N, ông H số nợ gốc là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Xét thấy, trước khi bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H khởi kiện bà Phạm Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tài liệu và chứng cứ gì chứng minh giữa bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H và bà Phạm Thị Giàu C việc thỏa thuận trả lãi tiền nợ hụi gốc khi bị đơn là bà Phạm Thị G tuyên bố đình hụi. Tại phiên tòa, bà Phạm Thị G chỉ thừa nhận bà Giàu có trả được cho bà N, ông

H nhiều lần (các lần đã trả bao nhiêu không nhớ do lâu quá) với tổng số tiền gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) chứ không phải là trả lãi tiền nợ hụi gốc như phía nguyên đơn trình bày. Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025, nguyên đơn xác định "*…trừ 48.000.000 đồng bà G trả cho tôi tiền hụi trên…" (BL- 101)* và số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) bà G trả cho bà N, ông H là trả vào số tiền hụi. Tại phiên tòa, bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) bà Phạm Thị G trả lãi số tiền nợ hụi gốc.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".*

Do đó, từ những phân tích trên có căn cứ xác định số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) bà Phạm Thị G trả cho bà N, ông H là số tiền hụi gốc đã nợ. Như vậy, sau khi đối trừ số tiền 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) bà Phạm Thị G trả cho bà N, ông H số tiền hụi gốc đã nợ, hiện bà Phạm Thị G còn nợ bà N, ông H số tiền nợ hụi gốc là 265.190.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), tiền vay gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) và tiền mượn gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng nợ gốc là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền lãi suất của số tiền nợ hụi gốc, tiền vay và tiền mượn gốc:

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị G thống nhất theo yêu cầu của bà Trương Kim N và ông Võ Quốc H về thời gian tính lãi của số tiền nợ hụi, nợ vay và tiền mượn cũng như lãi suất mà bà N, ông H yêu cầu. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đối với bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền lãi suất của số tiền nợ hụi gốc, tiền vay và tiền mượn gốc là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Lãi suất được chấp nhận, cụ thể như sau:

* Đối với số tiền nợ hụi:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được chấp nhận là 0,83 % /tháng.

Thời gian tính lãi kể từ ngày đình hụi ngày 25/10/2021 (âm lịch) là ngày 29/11/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/12/2025 (dương lịch) là 48 tháng 06 ngày.

Số tiền nợ hụi gốc 265.190.000 đồng x 48 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng = 106.091.904 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu không trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm lẻ bốn đồng).

* Đối với số tiền vay gốc:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được chấp nhận là 1,67 % /tháng.

Thời gian tính lãi kể từ ngày 27/10/2021 (âm lịch) là ngày 01/12/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/12/2025 (dương lịch) là 48 tháng 04 ngày.

Số tiền nợ vay gốc 110.000.000 đồng x 48 tháng 04 ngày x 1,67%/tháng = 88.420.932 đồng (Tám mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm ba mươi hai đồng).

* Đối với số tiền mượn gốc:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được chấp nhận là 0,83 % /tháng.

Thời gian tính lãi kể từ ngày 04/10/2020 (âm lịch) là ngày 18/11/2020 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/12/2025 (dương lịch) là 60 tháng 17 ngày.

Số tiền nợ mượn gốc 50.000.000 đồng x 60 tháng 17 ngày x 0,83%/tháng = 25.135.161 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi mốt đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà N, ông H đối với bà G, ông T trả lãi suất của số tiền nợ hụi, cụ thể:

+ Số tiền nợ hụi và lãi suất theo yêu cầu của bà N, ông H đối với bà G, ông T:

Số tiền hụi gốc 313.190.000 đồng x 48 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng = 125.294.790 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi đồng).

+ Số tiền nợ hụi và lãi suất theo yêu cầu của bà N, ông H đối với bà G, ông T được Tòa án chấp nhận:

Số tiền nợ hụi gốc 265.190.000 đồng x 48 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng = 106.091.904 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu không trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm lẻ bốn đồng).

Như vậy, số tiền 125.294.790 đồng - 106.091.904 đồng= 19.202.886 đồng (Mười chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

Do đó, không chấp nhận một phần yêu cầu của bà N, ông H đòi bà Phạm Thị G trả số tiền lãi suất là 19.202.886 đồng (Mười chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà Phạm Thị G nợ bà N, ông H số tiền là 425.190.000 đồng + 106.091.904 đồng + 88.420.932 đồng + 25.135.161 đồng = 644.837.997 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

[2.3]. Đối với ông Phan Văn T, thấy rằng: Việc giao dịch chơi hụi và vay, mượn tiền giữa bà N, ông H và bà G là có xảy ra trên thực tế, ông T không có tham gia vào giao dịch chơi hụi và vay, mượn tiền giữa bà N, ông H và bà G. Tuy nhiên, giữa bà G, ông T là vợ chồng, đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, khoản nợ mà bà N, ông H yêu cầu bà G, ông T phải trả phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Bà G, ông T không có thỏa thuận xác lập chế độ tài sản riêng của vợ chồng theo quy định tại Điều 47 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, bà G xác định: Bà làm chủ hụi để kiếm lời, nuôi sống gia đình và mượn tiền của bà N, ông H để lấp hụi. Như vậy, trong quá trình sống chung thì không có tài liệu nào ông T phản đối việc bà G làm chủ hụi và vay, mượn tiền của bà N, ông H. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số nợ bà G đối với bà N, ông H không vì nhu cầu của gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:…2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này*." Tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:…2.Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*".

Do đó, cần buộc ông Phan Văn T có trách nhiệm liên đới với bà Phạm Thị G trả số tiền nợ hụi và nợ vay, mượn cho bà N, ông H theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đối với bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T: Buộc bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H số tiền tổng cộng là 644.837.997 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc số tiền là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi suất là 219.647.997 đồng (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đòi bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền hụi gốc 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) và lãi suất số tiền 19.202.886 đồng (Mười chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đối với bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 4 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H phải chịu nộp là 67.202.886 đồng x 5%= 3.360.144 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 14.385.720 đồng (Mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi đồng) tại biên lai thu số 0005972 ngày 05/03/2025 tại Chi cục hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau) được đối trừ, bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H được nhận lại số tiền 11.025.576 đồng (Mười một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T phải chịu nộp là 20.000.000 đồng + 4% (644.837.997 đồng - 400.000.000 đồng) = 29.793.519 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm mười chín đồng).

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau là căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đối với bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T về việc tranh chấp nợ hụi và tranh chấp vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H số tiền tổng cộng là 644.837.997 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc số tiền là 425.190.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi suất là 219.647.997 đồng (Hai trăm mười chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đòi bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T trả số tiền hụi gốc 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) và lãi suất số tiền là 19.202.886 đồng (Mười chín triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng).

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H phải chịu nộp số tiền là 3.360.144 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H đã dự nộp số tiền 14.385.720 đồng (Mười bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi đồng) tại biên lai thu số 0005972 ngày 05/03/2025 tại Chi cục hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cà Mau) được đối trừ, bà Trương Thị Kim N, ông Võ Quốc H được nhận lại số tiền 11.025.576 đồng (Mười một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng).

Bà Phạm Thị G, ông Phan Văn T phải chịu nộp số tiền là 29.793.519 đồng (Hai mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn năm trăm mười chín đồng).

4/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 7- Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 7- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Mỹ Xuyên